

# **An ninh phi truyền thống, nhận dạng nguy cơ thách thức, định hướng giải pháp đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình hiện nay**

-----

*Tóm tắt: Tình hình thế giới hiện nay, bên cạnh mối đe dọa về quân sự, là sự tồn tại và xuất hiện nhiều yếu tố mới đe dọa đến an ninh con người và an ninh quốc gia như: Khủng bố, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, buôn bán ma túy, buôn bán phụ nữ và trẻ em, di cư xuyên biên giới, tội phạm mạng... Trong bối cảnh đó, nhận thức về an ninh cũng thay đổi nhanh chóng. Bên cạnh những quan niệm đã và đang được sử dụng như: An ninh tập thể, an ninh chung, an ninh toàn diện, xuất hiện an ninh phi truyền thống (non-traditional security). Vì thế, đối phó với những thách thức từ an ninh phi truyền thống hiện nay vừa là yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc, vừa là điều kiện quan trọng để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chế độ, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.*



## **1. Nhận thức an ninh phi truyền thống**

Thuật ngữ an ninh phi truyền thống (ANPTT) bắt đầu được nói đến vào những năm 80 của thế kỷ XX, sử dụng nhiều trong thập niên đầu thế kỷ XXI, ANPTT trở thành một thuật ngữ phổ biến trong các hội nghị, diễn đàn khu vực, quốc tế, hợp tác song phương, đa phương giữa các quốc gia, các tổ chức cũng như các chủ thể khác trong quan hệ quốc tế đương đại. Tuy nhiên, trên thế giới hiện nay

có khá nhiều cách hiểu, quan niệm về ANPTT. Tùy thuộc vào cách nhìn nhận, góc độ, lĩnh vực tiếp cận, hoàn cảnh cụ thể mà từng nhà nghiên cứu đưa ra quan niệm khác nhau về ANPTT. Theo Giáo sư Mely Caballero Anthony, Tổng Thư ký Liên minh các cơ sở nghiên cứu về ANPTT ở châu Á: ANPTT là đề cập đến sự chuyển hướng khỏi trọng tâm quân sự, nhà nước của các mô hình ANTT; và các vấn đề ANPTT là các thách thức đối với sự tồn vong và thịnh vượng của con người và các nhà nước, xuất hiện chủ yếu trong các nguồn phi quân sự, chẳng hạn như biến đổi khí hậu, nguồn tài nguyên cạn kiệt, bệnh truyền nhiễm, thiên tai, di cư trái phép, tình trạng thiếu lương thực, đưa người di cư trái phép, buôn bán ma túy trái pháp luật và tội phạm xuyên quốc gia. Những mối nguy hiểm này thường xuyên quốc gia về phạm vi, bất chấp các biện pháp khắc phục đơn phương và đòi hỏi sự ủng hộ toàn diện cả chính trị, kinh tế, xã hội, cũng như sử dụng lực lượng quân sự nhân đạo.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ sáu giữa các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Trung Quốc, ngày 01 tháng 11 năm 2002, cụm từ ANPTT chính thức xuất hiện trong Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về hợp tác trên lĩnh vực ANPTT và thống nhất rằng: Các vấn đề ANPTT như buôn bán ma túy bất hợp pháp, mua bán người bao gồm mua bán phụ nữ và trẻ em, cướp biển, khủng bố, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế và tội phạm mạng, đã trở thành những yếu tố bất ổn quan trọng ảnh hưởng đến an ninh khu vực, quốc tế và đang đặt ra những thách thức mới đối với hòa bình, ổn định của khu vực và quốc tế. Theo quan điểm của Liên hợp quốc, ANPTT gồm 10 mối đe dọa: (1) khủng bố, (2) ma túy, (3) hải tặc, (4) rửa tiền, (5) tin tặc, (6) thảm họa môi trường, dịch bệnh, mua bán người, (9) di cư trái phép và (10) cực đoan dân tộc, tôn giáo. Sau đó, ANPTT được sử dụng rộng rãi, phổ biến trên nhiều diễn đàn quốc tế thảo luận về các vấn đề chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội; trong chiến lược quốc phòng, an ninh của nhiều quốc gia - dân tộc, cũng như trong hợp tác an ninh của nhiều khu vực và thế giới. Theo tuyên bố, những vấn đề ANPTT đang ngày càng gia tăng là: Ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh, di cư tự do, tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, ma túy, buôn bán người, buôn lậu vũ khí, rửa tiền, tội phạm kinh tế quốc tế, tội phạm công nghệ cao...

Đối với nước ta, trước Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam tuy chưa chính thức sử dụng khái niệm ANPTT nhưng đã từng chỉ ra những dấu hiệu, những vấn đề của ANPTT. Đại hội VIII của Đảng cho rằng: “Thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo...), không một quốc gia nào có thể tự giải quyết, mà phải có sự hợp tác đa phương”<sup>[3]</sup>. Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định và

bổ sung thêm vấn đề chống tội phạm quốc tế vào nội dung này. Đại hội X bổ sung và phát triển: “Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức phối hợp giải quyết; khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; sự gia tăng dân số cùng với các luồng di cư; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị hủy hoại; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; các dịch bệnh lớn, các tội phạm xuyên quốc gia có chiều hướng tăng”<sup>[4]</sup>.

Tại Đại hội XI, Đảng ta chính thức sử dụng khái niệm ANPTT với các vấn đề được chỉ ra, như: chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế bùng nổ dân số, phòng ngừa và hạn chế dịch bệnh hiểm nghèo. Đại hội XII của Đảng chỉ ra một số vấn đề toàn cầu như: An ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố. Đồng thời, có lưu ý đến “các hình thái chiến tranh kiểu mới” với hàm ý khả năng chuyển hóa giữa ANPTT và ANTT. Có thể hiểu: ANPTT là một loại hình an ninh xuyên quốc gia do những yếu tố phi chính trị và phi quân sự gây ra, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, phát triển về an ninh của mỗi nước, cả khu vực và toàn cầu.

Tính chất nguy hiểm của các mối đe dọa ANPTT không chỉ biểu hiện ở mức độ hủy hoại, sự tàn phá của nó đối với cuộc sống của con người, mà còn đặt ra nhiều thách thức đối với sự ổn định xã hội, sự tồn vong của cả cộng đồng, hiệu quả thực tế của hợp tác và hội nhập toàn cầu; thậm chí còn làm nảy sinh các vấn đề về an ninh quân sự. Các thảm họa thiên nhiên, động đất, sóng thần, bão lụt, dịch bệnh, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên... ngày càng thách thức các thành tựu của khoa học, kỹ thuật hiện đại và khả năng, nỗ lực của con người. Khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, những vấn đề tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực... đang thử thách nghiêm ngặt năng lực điều hành của các chính phủ, sự vững chắc của các thể chế chính trị và các nền kinh tế, kể cả nền kinh tế giàu mạnh nhất, cũng như tính khả thi, bền vững của các liên kết quốc tế.

Nội hàm của vấn đề ANPTT mang tính chất “động” và cùng với thời gian, có thể tiếp tục được mở rộng hơn, không phải ngẫu nhiên mà cách đặt vấn đề về ANPTT của các quốc gia, khu vực và cộng đồng có những điểm khác nhau nhất định. Việc xác định những vấn đề cụ thể nào đó trong nội hàm của vấn đề ANPTT chỉ mang ý nghĩa tương đối, nhằm phục vụ cho việc hoạch định, xây dựng chính sách, chiến lược an ninh của đất nước và những cam kết an ninh song phương, đa phương trong hợp tác, liên kết quốc tế, mặt khác là để so sánh sự khác biệt với vấn đề ANTT của từng quốc gia cũng như từng khu vực và trên toàn thế giới. Nghiên cứu về ANPTT cho thấy nổi lên một số đặc điểm sau: Mang tính xuyên quốc gia rõ

nét, mang tính phi chính phủ, có sự chồng lấn tương đối giữa thách thức ANTT và ANPTT, mang tính toàn cầu, có tính chất bạo lực và tính chất phi bạo lực. ANPTT là sự mở rộng trong nội hàm và ngoại diên của khái niệm ANTT và khái niệm an ninh quốc gia. Thực tế những vấn đề ANPTT đã diễn biến hoặc phát sinh từ lâu nhưng hiện nay lại có những đặc điểm mới và được coi là một loại uy hiếp an ninh mới như chủ nghĩa khủng bố, di dân phi pháp, thiếu hụt tài nguyên nước, môi trường sinh thái, buôn lậu ma túy... đang toàn cầu hóa, mạng lưới hóa với phương thức, thủ đoạn hoạt động, hậu quả có nhiều khác biệt so với trước đây.

Về mối quan hệ giữa ANPTT và ANTT. Trong từng lĩnh vực cụ thể, giữa các vấn đề ANTT và ANPTT có sự tác động, đan xen lẫn nhau. Tuy nhiên, cần nhận thức rõ về sự khác nhau trên một số phương diện chính giữa ANTT và ANPTT như sau: ANTT nhấn mạnh đến bảo đảm an ninh quốc gia bằng sử dụng biện pháp quân sự là chủ yếu, các biện pháp chính trị, ngoại giao chỉ mang tính chất hỗ trợ; thì biện pháp đảm bảo ANPTT đa dạng hơn và chủ yếu mang tính chất phi quân sự, với hợp tác, phối hợp hành động; thúc đẩy phát triển kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội, thực hiện an sinh xã hội... ANTT lấy chủ quyền quốc gia làm trung tâm, nhấn mạnh đến các mối đe dọa có nguồn gốc từ bên ngoài; còn ANPTT lấy con người làm trung tâm, nhấn mạnh đến việc bảo đảm cho mỗi cá nhân trong cộng đồng được hưởng các quyền cơ bản và điều kiện thuận lợi để phát triển năng lực của mình. Vì vậy, nguy cơ ANPTT có thể đến từ cả bên ngoài lẫn bên trong, trong đó nhấn mạnh những mối đe dọa từ bên trong mỗi quốc gia. Đồng thời, trong một điều kiện nhất định ANPTT và ANTT có thể chuyên hóa lẫn nhau, điển hình như các vấn đề dân tộc thiểu số, xung đột tôn giáo, khủng hoảng kinh tế... trong nội bộ một nước có thể vượt qua biên giới quốc gia và lan tỏa ra bên ngoài, trở thành vấn đề xuyên quốc gia, mang tính toàn cầu, ảnh hưởng đến sự ổn định và an ninh của nước khác, khu vực khác. ANPTT và ANTT cùng tác động ảnh hưởng đến việc xây dựng chiến lược và chính sách an ninh của mỗi quốc gia nhằm ứng phó với những uy hiếp và thách thức mà ANTT và ANPTT cấu thành.

## **2. An ninh phi truyền thống - những thách thức từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (The Fourth Industrial Revolution) đã và đang diễn ra một cách nhanh chóng chưa từng có trong lịch sử từ năm 2011 với đặc trưng là điều khiển hệ và Robot; các hệ thống liên kết thế giới thực và thế giới ảo do Sự đột phá của khoa học công nghệ dựa trên nền tảng công nghệ số tích hợp công nghệ “thông minh” để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất. Điểm “đòn bẩy” là AI (trí tuệ nhân tạo); công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, Robot, công nghệ kết nối vạn vật (IoT)

và Internet các dịch vụ (IoS). Đặc trưng của Cách mạng lần thứ tư là các hệ thống sản xuất thực - ảo (Cyber-Physical Systems), lần đầu tiên được tiến sĩ Jame Truchat, Giám đốc điều hành của National Instrument đưa ra vào năm 2006, trong đó thiết bị thông minh làm việc với nhau qua mạng không dây hoặc qua “đám mây”. Nó là tập hợp bao gồm internet vạn vật (IOT), hệ thống vật lý không gian mạng, hệ thống trí thông minh nhân tạo...

Qui mô, tốc độ phát triển chưa từng có trong lịch sử, theo cấp số nhân, tác động to lớn về kinh tế và môi trường sinh thái. Tiêu chí tốc độ lan truyền của công nghệ được sử dụng đạt ngưỡng 50 triệu người (Điện thoại 75 năm, radio cần 38 năm, tivi cần 13 năm, Internet chỉ cần 4 năm, Facebook cần 3,5 năm). Về kinh tế tác động đến tiêu dùng, sản xuất, năng xuất và giá cả. Bản đồ kinh tế thế giới, bản đồ sức mạnh của các doanh nghiệp cũng đang được vẽ lại. Ví dụ: Công nghệ in 3D trị giá 3,1 tỷ USD/năm tăng 35% so với năm 2012; tăng trung bình 32% đạt 21 tỷ USD vào năm 2020... Thời đại công nghệ số 4.0 đang diễn ra dưới hình thái cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với quy mô tác động là tất cả các ngành nghề, lĩnh vực, xã hội, nền kinh tế của nhân loại. Tác động cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ANPTT tạo ra những nguy cơ thách thức sau:

Cạnh tranh việc làm. Theo Diễn đàn Kinh tế thế giới đến năm 2025, người sử dụng lao động sẽ phân chia công việc giữa con người và máy móc một cách gần như bình đẳng 50-50. Công nghệ sẽ thay đổi nhiệm vụ, công việc và kỹ năng vào năm 2025. Khoảng 43% doanh nghiệp được khảo sát cho biết rằng họ sẽ giảm lực lượng lao động vì áp dụng công nghệ, 34% có kế hoạch tuyển dụng lực lượng lao động mới do tích hợp công nghệ. Các ngành nghề mới nổi phản ánh nhu cầu lớn hơn về việc làm trong nền kinh tế xanh, vai trò đi đầu trong nền kinh tế dữ liệu và AI và các vai trò mới trong kỹ thuật, điện toán đám mây và phát triển sản phẩm.

Thay đổi phương thức quản trị, quan hệ quốc tế đến cách thức quản trị quốc gia xử lý những vấn đề mâu thuẫn nội bộ. Khoa học, công nghệ ngày càng tác động trực tiếp, sâu rộng vào sản xuất, đời sống con người và xã hội; càng đích thực là lực lượng sản xuất số một của đại công nghiệp toàn cầu, trong đó tác động đến việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền sẽ cần tới những duy mới, sáng tạo, những chính sách, giải pháp đột phá và hiệu quả, bảo đảm cho Nhà nước luôn thích ứng với bối cảnh tình hình mới, kịp thời đề ra và thực hiện những chủ trương, chính sách, pháp luật và giải pháp đúng, phát huy mọi nguồn lực, tận dụng thời cơ để phát triển và kịp thời ứng phó với những khó khăn, thách thức xảy ra.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với việc phát triển của công nghệ số, kinh tế số, AI (trí tuệ nhân tạo), IOT (Internet vạn vật), năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học, công nghệ số... Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: “Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc”[5]. Nhận định mới này rất quan trọng trong việc định hướng cho nhà nước pháp quyền tận dụng thời cơ do những thành tựu của cuộc cách mạng này đem lại, đồng thời vượt qua những khó khăn, thách thức để quản trị và phát triển các quốc gia theo hướng tăng tốc, đi tắt, đón đầu.

Quan hệ quốc tế vì thế cũng có nhiều biến động. Cạnh tranh chiến lược nước lớn cũng trở nên gay gắt hơn giữa những nước đi đầu về khoa học, công nghệ; các nước lớn đều lấy việc làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại làm cơ sở để xác lập địa vị của mình trong trật tự quốc tế, điều này đang gây biến động đáng kể đối với cục diện thế giới, khu vực.

Tác động lên chính quyền. Xuất hiện mô hình chính phủ trí tuệ nhân tạo (AI-Government), tiến đến 100 năm Liên hợp quốc (2045), Bàn tròn UN 2045 do Ramu Damodaran Tổng giám đốc Academic Impact của Liên hợp quốc, Tổng biên tập Tạp chí Biên niên sử Liên hợp quốc và cha đẻ Internet Vint Cerf thảo luận về mô hình mới con người hướng tới: “kinh tế trọng tâm vì con người, hệ sinh thái Internet và trí tuệ nhân tạo mới cho công việc và cuộc sống”. Nội hàm Thành phố xã hội Trí tuệ nhân tạo (AIWS City) trong mô hình Thành phố thông minh (Smart city). Khả năng thích ứng với công nghệ mới của các cơ quan công quyền sẽ quyết định năng lực quản lý của họ. Chính quyền và các cơ quan quản lý của mình sẽ cần phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp và các hội, hiệp hội và người dân.

Tác động đối với con người (tồn tại con người). Sự phát triển của khoa học, công nghệ và áp dụng vào sản xuất và đời sống xã hội nguy cơ gia tăng nạn thất nghiệp, chênh lệch trình độ phát triển, chênh lệch giàu nghèo, xuất hiện mâu thuẫn xã hội trong thời đại Internet... đặt ra nhiều thách thức mới về đời sống và an ninh, an toàn xã hội và con người. Về sinh học, xã hội và tinh thần đặt ra những yêu cầu mới. Theo dòng chảy của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo ngày càng được phổ biến và ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Trí tuệ nhân tạo có khả năng tự thích nghi, tự học và tự phát triển, tự đưa ra các lập luận để giải quyết vấn đề, có thể giao tiếp như người... Trong khuôn khổ khóa họp lần thứ 48 Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (LHQ) kéo dài 4 tuần (13/9 - 8/10/2021), Cao ủy Nhân quyền LHQ Michelle Bachelet nhấn mạnh nhu cầu khẩn cấp về việc cấm mua bán và sử dụng các hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) có nguy cơ nghiêm trọng đối với nhân quyền cho đến khi các biện pháp bảo vệ thích hợp được

thực thi. Bà Bachelet cũng kêu gọi cấm các ứng dụng AI không được sử dụng nếu không tuân thủ luật nhân quyền quốc tế.

Tác động lên báo chí, truyền thông. Không gian mạng là mạng lưới kết nối toàn cầu của các cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm Internet, các mạng viễn thông, các hệ thống máy tính, các hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, là nơi con người có thể thực hiện hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Mặt tích cực là sự phong phú, đa dạng, muôn màu, muôn vẻ của các thông tin được cập nhật liên tục với lượng dữ liệu khổng lồ, giúp ích cho công chúng khai thác, tìm kiếm thông tin. Mặt tiêu cực là các thông tin xấu độc, trong đó rất đáng quan ngại là các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đảng và chế độ. Với tính đặc thù, tự bản thân mạng Internet khó có thể kiểm soát, ngăn chặn các thông tin xấu độc.

Tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an ninh con người. Lợi dụng kết nối Internet để thực hiện tội phạm, thách thức trong quản trị không gian mạng và không gian (ảo): Drone, Flycam (vật thể không người lái). Xuất hiện những đột biến trên không gian ảo, kinh doanh đa cấp ảo, bong bóng đầu tư vào các loại tiền ảo, bitcoin gây tiềm ẩn khủng hoảng lan truyền tới thị trường tài chính toàn cầu mà chưa có các biện pháp kiểm soát hiệu quả. Nguy cơ ANPTT nổi lên với ý nghĩa vừa là mối đe dọa chung đối với loài người và khuyến khích nỗ lực hợp tác tập thể, vừa là phương tiện nhiều quốc gia lợi dụng để làm suy yếu lẫn nhau. Các mối đe dọa ANPTT ngày càng đa dạng và phức tạp, tốc độ và phạm vi ảnh hưởng rất nhanh chóng, tác động to lớn, trực tiếp, đa chiều đến mọi mặt đời sống xã hội.

Diễn biến của đại dịch Covid-19 (dịch bệnh). Đây là một trong những nguy cơ của ANPTT xảy ra quá bất ngờ, không được dự báo, không được chuẩn bị để ứng phó, thiệt hại quá nặng nề. Theo đánh giá của tổ chức Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) thiệt hại cho kinh tế thế giới mỗi tháng lên đến 375 tỷ USD và GDP toàn cầu thiệt hại 12 nghìn tỷ trong hai năm 2020 - 2021. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) thiệt hại do Covid-19 gây ra lớn gấp 4 lần so với khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Theo Giáo sư Joseph Nye (Đại học Havard Mỹ) - một trong 9 Giáo sư “sức mạnh mềm” của thế giới, “số người chết ở Mỹ cao hơn tổng số người chết của tất cả các cuộc chiến tranh từ năm 1945 đến nay”. Covid-19 làm gia tăng làn sóng tị nạn và nạn nghèo đói càng trở nên nghiêm trọng. Báo cáo của Liên hợp quốc đặc biệt nhấn mạnh đến nạn đói nghèo đối với phụ nữ toàn cầu tăng 9%, có thêm 47 triệu phụ nữ lâm vào cảnh đói nghèo. Giáo dục đào tạo bị tác động và ảnh hưởng nghiêm trọng do nhà trường đóng cửa, học sinh phải học trực tuyến, toàn cầu có khoảng 830 triệu học sinh không có máy tính và phương tiện để học trực tuyến.

### **3. Định hướng giải pháp chủ động ứng phó với tác động của an ninh phi truyền thống**

Một là, khắc phục triệt để những sơ hở, thiếu sót trong việc kết hợp kinh tế và quốc phòng, an ninh tại các địa bàn, nhất là địa bàn chiến lược. Theo đó, phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện công bằng xã hội, xóa đói, giảm nghèo, phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của nhân dân, tăng cường quốc phòng và an ninh... là những vấn đề cơ bản tạo nền tảng vững chắc cho việc đối phó với các mối đe dọa ANPTT.

Hai là, tạo nền tảng vững chắc để phòng, chống có hiệu quả những thách thức từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tác hại từ ANPTT. Có các biện pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng quốc gia phát triển bền vững với việc bảo đảm các chỉ số an ninh, an sinh, an toàn có ý nghĩa nền tảng trong xử lý các vấn đề an ninh phi truyền thống. Trong đó:

Chỉ số đảm bảo an ninh: An ninh cho dân cư; an ninh môi trường sinh thái; an ninh dân số; an ninh cho doanh nghiệp; an ninh tiền tệ, tài chính; an ninh lương thực; an ninh biên giới, biển đảo; an ninh kết nối; an ninh mạng; an ninh tôn giáo; an ninh nông thôn; an ninh các cơ sở dữ liệu.

Chỉ số bảo đảm an sinh: Kinh tế phát triển bền vững; khả năng tự phục hồi kinh tế, cạnh tranh; chất lượng sống cao; chăm sóc để bị tổn thương, các nhóm yếu thế; việc làm; chăm sóc y tế; giáo dục đào tạo; văn hóa tinh thần; không gian sống; khả năng tiếp cận các dịch vụ đô thị, dịch vụ an sinh; an sinh về nhà ở; di chuyển và giao thông công cộng; lương hưu và trợ cấp.

Chỉ số đảm bảo an toàn: An toàn về giảm tội phạm; an toàn về dịch bệnh; an toàn về thực phẩm; an toàn giao thông; an toàn môi trường không khí; an toàn nguồn nước; an toàn về tài sản; an toàn riêng tư; an toàn kinh doanh; an toàn phòng, chống cháy nổ.

Ba là, xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả và tổ chức luyện tập, diễn tập theo các phương án đã được phê duyệt. Coi trọng đầu tư, chuẩn bị cả về con người và phương tiện hiện đại cho nhiệm vụ đối phó với những thách thức từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thách thức ANPTT, bảo đảm có lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm và lực lượng rộng rãi; luôn nắm vững tình hình, sẵn sàng xử lý kịp thời các tình huống xảy ra.

Bốn là, đẩy mạnh hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế, các cơ quan an ninh, cảnh sát của các nước trong vấn đề ANPTT, đấu tranh chống khủng bố, phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia; thiết lập hành lang pháp lý, xây dựng cơ

chế hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế, với các tổ chức quốc tế có liên quan; chú trọng tăng cường quan hệ hợp tác với các nước ASEAN trong đối phó với các mối đe dọa ANPTT. Đặc biệt trong hợp tác quốc tế phải có chọn lọc, có trọng tâm trọng điểm; tập trung vào các vấn đề về đào tạo, huấn luyện, diễn tập, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, hỗ trợ nhân đạo, phòng, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, đối phó với tình trạng biến đổi khí hậu, thảm họa thiên nhiên, với các chương trình, kế hoạch và cơ chế phù hợp... góp phần giảm thiểu tác động của các nguy cơ ANPTT đối với nước ta nói chung, chú trọng khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Saurabh Chaudhuri: Defining no-traditional security threats, <http://www.globalindiafoundation.org>
2. Amitav Acharya là Chủ tịch của UNESCO trong những vấn đề thách thức xuyên quốc gia và Chủ tịch Trung tâm Nghiên cứu ASEAN. Trước đó, ông là Giáo sư Đại học Bristol, Đại học Toronto, Đại học Công nghệ Nanyang (Singapore), Ủy viên Trung tâm châu Á của Đại học Harvard, Trường John F. Kennedy
3. Trần Văn Trình: “An ninh phi truyền thống - Những thách thức mang tính toàn cầu”, 2006, <http://ca.cand.com.vn/vi-vn/toisuxahoi/thoiluan/2006/8/79352.cand>, truy cập ngày 24-7-2011
4. Nguyễn Vũ Tùng, Tiếp cận thách thức an ninh phi truyền thống, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 4 (144), 2008
5. Lê Văn Cương, Tác động của nhân tố an ninh phi truyền thống đối với văn hóa và con người ở một số nước Đông Á, Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội, số 9-2008
6. Hồ Châu (chủ nhiệm), Mối đe dọa an ninh phi truyền thống và tác động của nó đến quan hệ quốc tế hiện nay. Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2006
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1996
8. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr. 74
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016

11. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I

12. Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đăng, Nguyễn Việt Thông (đồng chủ biên), Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016

---

[1] Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương

[2] Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1996, tr.77.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.74.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.106

Thượng tướng, PGS.TS Nguyễn Văn Thành [1] - Đại tá TS Cao Văn Trọng[2]

Thách thức và giải pháp bảo đảm an ninh môi trường ở Việt Nam

(TG)- Môi trường đóng là nền tảng bảo đảm sự sống của con người và mọi giống loài khác trên trái đất, đồng thời, mang đến cho con người những. tài nguyên để phát triển

## Những thách thức nổi bật về an ninh môi trường ở Việt Nam

-----

C.Mác đã khẳng định: “Con người sống bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là thân thể của con người,... con người là một bộ phận của tự nhiên” và “Công nhân không thể tạo ra cái gì khác nếu không có giới tự nhiên, nếu không có thể giới hữu hình bên ngoài. Đó là vật liệu, trong đó lao động của anh ta triển khai, từ đó và nhờ đó, lao động của anh ta sản xuất ra sản phẩm”.

Vấn đề an ninh môi trường lần đầu tiên được nêu ra tại Hội nghị Liên hiệp quốc về môi trường và con người năm 1972. Năm 1991, Tổng thống Bush thừa nhận an ninh môi trường là một bộ phận cấu thành của an ninh quốc gia. Năm 1992, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã dẫn giải cụ thể hơn về an ninh môi trường “Sự khan hiếm các tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường và những hiểm họa có thể gây suy yếu nền kinh tế, gia tăng đói nghèo, gia tăng bất ổn chính trị, thậm chí trở thành ngòi nổ cho các cuộc xung đột và chiến tranh”. Báo cáo Thiên niên kỷ do Hội đồng châu Mỹ của Liên Hợp quốc xác định: an ninh môi trường là việc đảm bảo an toàn trước các mối nguy hiểm môi trường sinh ra do sự yếu kém trong quản lý hoặc thiết kế và có nguyên nhân trong nước hay xuyên quốc gia. Xâm phạm an ninh môi trường được coi là một kiểu diễn biến hòa bình.

Theo báo cáo “Phát triển con người” năm 1994 của Liên hợp quốc, an ninh phi truyền thống bao gồm 7 lĩnh vực là: kinh tế, lương thực, sức khỏe, môi trường, con người, cộng đồng và chính trị. Biểu hiện của môi trường bị mất an ninh là: cạn kiệt tài nguyên, thiên tai thường xuyên, thiên nhiên suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ôzôn, biến đổi các chu trình sinh -địa, suy giảm đa dạng sinh học... Mất an ninh môi trường sẽ gây suy yếu nền kinh tế, gia tăng đói nghèo, bất ổn xã hội và chính trị, trở thành ngòi nổ cho các cuộc xung đột, chiến tranh và thậm chí hủy diệt loài người.

Như vậy, có thể hiểu an ninh môi trường thuộc lĩnh vực an ninh phi truyền thống và là trạng thái hệ thống các yếu tố cấu thành môi trường cân bằng để bảo đảm điều kiện sống và phát triển của con người và các loài sinh vật trong hệ thống đó, bảo đảm không có tác động lớn của môi trường đến sự ổn định chính trị, xã hội và phát triển kinh tế của quốc gia.

An ninh môi trường của Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục bị đe dọa nghiêm trọng do đối diện với hầu hết các thách thức an ninh môi trường từ ô nhiễm đất, nước, không khí, các khu dân cư, khu công nghiệp, làng nghề, từ thành thị đến nông thôn, gia tăng ngập úng, lở đất, sụt lún nền và suy giảm đa dạng sinh học...

Cả ba loại ô nhiễm đất, nước và không khí đều đang vượt nhiều lần tiêu chuẩn cho phép ở các đô thị lớn, khu công nghiệp và làng nghề.

Theo khảo sát mới đây của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Việt Nam xếp thứ 79/132 quốc gia được khảo sát về Chỉ số hiệu quả môi trường (EPI), xếp thứ 123 về ảnh hưởng của chất lượng không khí, xếp thứ 80 về chất lượng nước và xếp thứ 77 về ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe. Theo ước tính của “Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường”, tổng thiệt hại kinh tế của nước ta do ô nhiễm môi trường gây ra trong thời gian qua chiếm từ 1,5 - 3% GDP.

Theo Báo cáo tổng kết của Cục Cảnh sát môi trường năm 2020, cả nước hiện có hơn 370 khu công nghiệp, hàng trăm cụm công nghiệp nhỏ và khoảng hơn 2.000 làng nghề rải rác ở nhiều địa phương. Tuy nhiên có đến 70% khu công nghiệp không có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn; hơn 90% cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không xử lý nước thải; hơn 4.500 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; khoảng 55 - 70% số doanh nghiệp không chấp hành quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường; 98% doanh nghiệp có hành vi vi phạm về xả nước thải không đạt chuẩn môi trường; 100% doanh nghiệp thải khí không có thiết bị xử lý chất độc hại. Ngoài ra, các vi phạm thuộc các lĩnh vực khác như vi phạm các quy định về phòng ngừa sự cố môi trường, hủy hoại môi trường, hủy hoại nguồn lợi thủy sản, vi phạm các quy định về bảo vệ động vật danh mục loài nguy cấp quý hiếm cần bảo vệ... cũng diễn ra phức tạp và không có xu hướng giảm.

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trung bình ở khu vực nội đô giai đoạn vừa qua đạt khoảng 84% - 85%; khu vực nông thôn đạt khoảng 40% - 55%; vùng sâu, vùng xa chỉ đạt khoảng 10%. Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh trên toàn quốc hiện nay khoảng 800.000 tấn/năm, lượng chất thải nguy hại phát sinh trong sản xuất công nghiệp được thu gom, xử lý mới chỉ đạt con số 40%, chất thải nguy hại do y tế đạt 80% gây nguy cơ tiềm ẩn đối với môi trường ở nước ta.

Báo cáo mới đây của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy, nguồn chất thải vào môi trường từ trồng trọt và chăn nuôi đang có xu hướng gia tăng. Hiện cả nước có 16.700 trang trại chăn nuôi, tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng (45%) và Đông Nam bộ (13%), với tổng đàn gia súc 37,8 triệu con và trên 214 triệu con gia cầm.. Sô rác thải này cộng với lượng chất thải từ sản xuất nông nghiệp đã khiến cho tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn ngày càng trở nên đáng lo ngại.

Theo Hiệp hội làng nghề Việt Nam, tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề đang ở mức báo động, ảnh hưởng đến môi trường và đời sống người dân. Cụ thể, có

tới 46% số làng nghề trong diện điều tra có môi trường bị ô nhiễm nặng, 27% làng nghề ô nhiễm vừa. Trong đó, hàm lượng các chất ô nhiễm theo các chỉ số COD, BOD5 hay tổng số vi khuẩn coliform trong nước thải làng nghề đều vượt tiêu chuẩn cho phép hàng chục lần, một số nơi lên đến hàng nghìn lần. Không những thế, hầu hết các làng nghề đều có hàm lượng bụi vượt tiêu chuẩn cho phép, nồng độ khí SO<sub>2</sub> tại các làng nghề cao hơn nhiều lần so với tiêu chuẩn.

Một khảo sát mới đây của Viện Khoa học và Công nghệ Môi trường (Đại học Bách khoa Hà Nội) và Bộ Khoa học và Công nghệ cho thấy, 100% mẫu nước thải ở các làng nghề đều cho thông số ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép. Riêng Hà Nội, khảo sát tại 40 xã cho kết quả khoảng 60% số xã bị ô nhiễm nặng từ các hoạt động sản xuất. Ở các làng tái chế kim loại, khí độc không qua xử lý đã thải trực tiếp vào không khí như ở làng nghề tái chế chì Đông Mai (Hưng Yên), nồng độ chì vượt quá 2.600 lần tiêu chuẩn cho phép. Kết quả nghiên cứu của Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động gần đây cho biết, trong các làng nghề, những bệnh mắc nhiều nhất là bệnh liên quan đến hô hấp như viêm họng chiếm 30,56%, viêm phế quản 25% hay đau dây thần kinh chiếm 9,72%.

Tại làng nghề tái chế chì Đông Mai, tỷ lệ người dân mắc bệnh về thần kinh chiếm khoảng 71%, bệnh về đường hô hấp chiếm khoảng 65,6% và bị chứng hồng cầu giảm chiếm 19,4%. Còn tại làng nghề sản xuất rượu Vân Hà (Bắc Giang) tỷ lệ người mắc bệnh ngoài da là 68,5% và các bệnh về đường ruột là 58,8%. Bầu khí quyển của thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có mức benzen và sunfua dioxit đáng báo động.

Ngoài ra, việc nhập khẩu chất thải dưới danh nghĩa phế liệu vào Việt Nam ngày càng gia tăng; Các dòng sông đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm nặng nề (nhất là sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, sông Đồng Nai và hệ thống sông Tiền và sông Hậu, Tây Nam bộ, đồng bằng sông Cửu Long) làm hủy hoại nguồn thủy sản và ảnh hưởng trực tiếp tới môi trường sống, sức khỏe của cộng đồng. Nhiều dự án luyện, cán thép lớn cũng có nguy cơ biến Việt Nam thành nơi tập trung “rác” công nghệ và chất thải.

Việc khai thác quá mức nguồn nước, đặc biệt là xây dựng các công trình hồ chứa thủy lợi, hồ chứa thủy điện chặn hoàn toàn dòng chảy sông là nguyên nhân làm suy giảm rõ rệt số lượng và chất lượng nước trên lưu vực các sông lớn như: sông Hồng, Đồng Nai, Sài Gòn, Gia Vu, Thu Bồn, Ba, Sêrêpok ... Do tập quán, thói quen sản xuất, canh tác nông nghiệp sử dụng nhiều nước của nhân dân nhưng lại thiếu các biện pháp hợp lý giữ, trữ nước trong mùa mưa lũ để dùng dần trong mùa khô nên thường xuyên phải đối phó với tình trạng thiếu nước vào mùa khô ở nhiều nơi. Việt Nam hiện thuộc nhóm quốc gia “thiếu nước” do lượng nước mặt bình

quân đầu người mỗi năm chỉ đạt 3.840m<sup>3</sup>, thấp hơn chỉ tiêu 4.000m<sup>3</sup> một người mỗi năm của Hội Tài nguyên Nước quốc tế (IWRA). Đây được xem là một nghịch lý đối với một quốc gia có mạng lưới sông ngòi dày đặc như nước ta.

Theo Tổng cục Lâm nghiệp, độ che phủ của rừng nước ta đã giảm sút đến mức báo động: Trước năm 1945, nước ta có 14 triệu ha rừng, chiếm hơn 42% diện tích tự nhiên của cả nước. Năm 1975 diện tích rừng chỉ còn 9,5 triệu ha (chiếm 29%), đến nay chỉ còn khoảng 6,5 triệu ha (tương đương 19,7%). Chất lượng rừng ở các vùng còn rừng bị hạ xuống mức quá thấp. Trên thực tế chỉ còn khoảng 10% là rừng nguyên sinh. Chỉ trong 5 năm, 2006 - 2011, 124.000 ha rừng ngập mặn ven biển đã biến mất để nhường chỗ cho các ao tôm, ao cá - tương đương diện tích bị mất trong 63 năm trước đó.

Đặc biệt, Việt Nam là một trong 5 quốc gia ở khu vực châu Á phải chịu nhiều hậu quả nhất do biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng chịu tác động nặng nề nhất của đồng bằng sông Hồng, theo tính toán kịch bản đồng bằng sông Hồng, đến cuối thế kỷ 21 nhiệt độ tăng khoảng 3,4 độ C, mực nước biển tăng thêm 1m sẽ có khoảng 40% diện tích đất bị ngập vĩnh viễn, khoảng 10% dân số bị ảnh hưởng trực tiếp do mất đất, thêm vào đó đồng bằng sông Hồng diễn ra ở đồng bằng sông Cửu Long kéo theo hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở và nhiều hệ lụy đi kèm như đã từng diễn ra những năm gần đây. Đối với đồng bằng sông Hồng, với kịch bản nước biển dâng cao 1m vào cuối thế kỷ 21, đồng bằng sông Hồng sẽ có 240.000 ha đất sản xuất nông nghiệp của vùng bị ảnh hưởng, dự báo năng suất lúa giảm 8%-15% vào năm 2030 và lên tới 30% vào năm 2050. Nếu tính tỷ lệ diện tích đất bị ngập nước khi nước biển dâng cao 1m vào cuối thế kỷ 21 có khoảng 3% diện tích bị ngập, trong đó 1,4% diện tích trồng lúa, 0,6% khu dân cư bị ảnh hưởng.

Những tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là Thái Bình, diện tích đất bị mất khoảng 31,2%, Nam Định 24% và thành phố Hải phòng 17,4%. So với đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng ngập lụt ít hơn và ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn thấp hơn, tuy nhiên tính chất cực đoan và tính dị thường của đồng bằng sông Hồng và rủi ro cao hơn, nhất là gió bão sẽ tác động mạnh hơn so với đồng bằng sông Cửu Long. Đối với vùng ven biển, nhất là khu vực ven biển Bắc Trung bộ, Nam Trung bộ và Đông Nam bộ, ảnh hưởng của đồng bằng sông Hồng lớn nhất là bão, áp thấp nhiệt đới. Đối với khu vực ven biển miền Trung hạn hán, lũ lụt, sạt lở đất, thoái hóa đất diễn ra mạnh mẽ hơn. Những vùng ven biển còn chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn.

Theo tính toán nếu mực nước biển dâng cao thêm 1m, một số khu vực trũng đồng bằng ven biển miền trung sẽ bị ngập như ở Thanh Hóa. Ảnh hưởng của đồng bằng sông Hồng gây ra lũ quét, sạt lở đất, lốc xoáy, mưa đá là những hiện tượng

khá phổ biến. Khu vực miền núi Bắc Trung bộ với nền nhiệt tăng, cùng với khô hạn dễ dẫn đến cháy rừng, suy giảm đa dạng sinh học tác động tới đời sống nhân dân. Chu kỳ khí hậu nông nghiệp trở nên bất thường, thời tiết cực đoan và nhiệt độ trung bình tăng, tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn đang và sẽ làm mất đi nhiều diện tích trồng cây lương thực, làm tăng dịch bệnh, dịch hại, giảm sút năng suất mùa màng và gây ra các rủi ro nghiêm trọng khác.

Việt Nam là một trong những nước có tính đa dạng sinh học vào nhóm cao nhất thế giới, với trên 21.000 loài động vật, 16.000 loài thực vật, bao gồm nhiều loài đặc hữu, quý hiếm. Tổ chức vi sinh vật học châu Á thừa nhận Việt Nam có không ít loài vi sinh vật mới đối với thế giới. Thế nhưng trong 4 thập kỷ qua, theo ước tính sơ bộ đã có 200 loài chim bị tuyệt chủng và 120 loài thú bị diệt vong. Hơn 100 loài sinh vật ngoại lai đang hiện diện tại nước ta cũng là mối nguy lớn cho môi trường sinh thái, như: ốc brou vàng, cây mai dương, bọ cánh cứng hại da, đặc biệt là việc nhập khẩu 40 tấn rùa tai đỏ - một loài đã được quốc tế cảnh báo là một trong những loài xâm hại nguy hiểm.

Ngoài ra, an ninh sinh thái do sự nhiễu loạn của nhiều hệ sinh thái, sự xâm lấn của các sinh vật lạ và sinh vật biến đổi gen đang diễn ra khá phổ biến ở Việt Nam, gây ảnh hưởng tới an ninh môi trường quốc gia. Đằng sau việc đưa công nghệ lạc hậu, đưa sinh vật độc hại biến đổi gen vào Việt Nam những năm gần đây gây ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái còn thể hiện âm mưu chiến tranh sinh thái, đe dọa an ninh môi trường ở nước ta.

### **Chủ trương và những giải pháp bảo đảm an ninh môi trường**

Vấn đề bảo đảm an ninh môi trường đã sớm được Đảng, Nhà nước ta quan tâm và thể chế hóa trong các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, như: Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 25/6/1998, của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 15/11/2004, “Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước”; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 3-6-2013, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”... Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước có nêu “Bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta”.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII nhấn mạnh: “Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững theo hướng bảo đảm tính tổng thể, liên ngành, liên vùng, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài và cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn” và yêu cầu phải “sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống”. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đề cập toàn diện và cụ thể hơn, chi tiết hơn về vấn đề bảo vệ môi trường; theo đó: tiếp tục khẳng định quyền được sống trong môi trường trong lành là quyền lợi chính đáng của người dân. Do đó phải “lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của nhân dân là mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái”(3). Nâng cao chất lượng môi trường không khí, có biện pháp hạn chế ô nhiễm tiếng ồn, xử lý rác thải ở các đô thị, khu vực đông dân cư; Đồng thời, nhấn mạnh an ninh môi trường là bộ phận của an ninh quốc gia; coi bảo vệ môi trường là nhiệm vụ của toàn xã hội tuy nhiên nhà nước đóng vai trò chủ đạo.

*Báo cáo Chính trị Đại hội XIII của Đảng xác định rõ quan điểm, chủ trương trong bảo đảm an ninh môi trường như: Xây dựng chiến lược, hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, trọng tâm là đất đai. Xây dựng chiến lược an ninh nguồn nước quốc gia; hoàn thiện chính sách, pháp luật, nhất là cơ chế tài chính về khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm và thảm họa môi trường, dịch bệnh. Chủ động, tích cực hợp tác quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế trong bảo đảm an ninh sinh thái, an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu.*

Từ những quan điểm, nhận định của Đảng về bảo vệ môi trường và an ninh môi trường Nhà nước ta đã cụ thể hóa và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về môi trường, như Luật Thủy sản, Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Luật Đa dạng sinh học 2008; Luật Tài nguyên nước 2012; Luật Phòng chống thiên tai 2013; Luật Biển Việt Nam năm 2012; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Luật quy định: Môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế-xã hội bền vững. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phải gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế và được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; thực hiện sàng lọc, lựa chọn đầu tư phát triển dựa trên các tiêu chí về môi trường.; Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo năm 2015; Luật Lâm nghiệp năm 2017; các Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;...

Ngoài ra, một số luật như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự cũng đều có quy định xử lý các sai phạm trong bảo vệ môi trường.

Đến nay, Việt Nam đã ký kết tham gia 23 công ước quốc tế về môi trường. Việt Nam đã cùng 148 quốc gia khác trên thế giới phê chuẩn việc thực hiện Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu. Mới đây nhất, những cam kết của Việt Nam tại Corp 26 đã được cộng đồng quốc tế đánh giá rất cao, thể hiện Việt Nam là một quốc gia thành viên có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

Khái niệm an ninh môi trường đã được đưa vào Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam năm 2014. Bảo đảm an ninh môi trường là một trong 3 yêu cầu phát triển bền vững mà Chương trình nghị sự 21 của Chính phủ đặt ra theo Quyết định 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 và Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.

Thực tế cho thấy, để bảo đảm an ninh môi trường cần sự triển khai đồng bộ và thống nhất, thường xuyên và lâu dài các giải pháp thích đáng, nổi bật là:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức xã hội, nhất là cho người dân và doanh nghiệp, về môi trường và an ninh môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường trong các trường học, lớp bồi dưỡng kiến thức tập trung và trên các phương tiện thông tin đại chúng, internet, mạng xã hội, nhằm sớm hình thành và thường xuyên củng cố ý thức bảo vệ môi trường cho mọi công dân và doanh nghiệp. Thống nhất nhận thức xã hội, coi nhiệm vụ bảo vệ an ninh môi trường phải trở thành ý thức và hành động tự giác trong nếp sống văn hóa của mỗi người, gắn kết chặt chẽ an ninh môi trường với các hoạt động kinh tế, xã hội.

Thứ hai, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường, trọng tâm là: Hoàn thiện và duy trì nghiêm hiệu lực thực tế của hệ thống pháp luật về môi trường, bổ sung những quy định mới nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mới phát sinh trong quản lý nhà nước về an ninh môi trường. Sớm bổ sung các văn bản hướng dẫn cụ thể, khắc phục sự chồng chéo giữa các luật với nhau như: Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ rừng, Luật Khoáng sản,... Bổ sung các cơ chế về bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra, giải quyết tranh chấp, xung đột về môi trường và khuyến khích xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường. Hoàn thiện hệ thống công cụ kinh tế môi trường nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách và tăng điều tiết vĩ mô, hạn chế gây ô nhiễm môi trường; Đặc biệt, cần sớm xây dựng Bộ Tiêu chí và xác định Bộ Chỉ số an ninh môi trường phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm phục vụ công tác quản lý và hoạch định chính sách. Tiếp tục

kiện toàn cơ cấu tổ chức và năng lực của tổ chức chuyên môn về bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý.; xây dựng cơ chế phối hợp và phân công trách nhiệm cụ thể giữa cơ quan bảo vệ môi trường và cơ quan phòng chống tội phạm về môi trường; đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên thiên nhiên và đảm bảo an ninh môi trường. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo kịp thời, chính xác các hiện tượng khí tượng thủy văn, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, ngăn chặn nạn phá rừng, cháy rừng, tăng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên; Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo, khắc phục hậu quả thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời, chủ động xây dựng, tổ chức diễn tập các kịch bản, phương án ứng phó với các tình huống thời tiết cực đoan, bão, lũ, động đất, sóng thần và thảm họa thiên nhiên. Tăng cường đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế xã hội; chủ động ngăn chặn các xung đột về môi trường giữa nước ta với các nước láng giềng, đặc biệt là các nước có chung lợi ích. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, giám sát và phòng ngừa và xử lý nghiêm tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, với các chế định trách nhiệm tài chính, hành chính và hình sự đủ sức ngăn đe các cá nhân và tổ chức, pháp nhân vi phạm quy định pháp luật về môi trường.

Thứ ba, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo yêu cầu phát triển, sản xuất và tiêu dùng bền vững, xanh, sạch hơn và thân thiện với môi trường. Khuyến khích và hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại trong sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm nhiên liệu, giảm phát thải ô nhiễm môi trường; xử lý rác thải, nước thải, khí thải gây ô nhiễm; nuôi trồng các cây giống, vật nuôi thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học về an ninh môi trường và đảm bảo an ninh môi trường, xác định rõ các nguy cơ đe dọa đến an ninh môi trường và các giải pháp thích ứng. Đẩy mạnh công tác quản lý về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng; nghiêm cấm, kiểm soát chặt chẽ du nhập các sinh vật ngoại lai xâm hại vào Việt Nam; kiểm soát chặt chẽ việc quy hoạch, cấp phép trong hoạt động khai thác, chế biến tài nguyên thiên nhiên...

Thứ tư, tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. Môi trường có tính toàn cầu. Bảo vệ môi trường cần có sự hợp tác quốc tế rộng rãi với các nước trên thế giới nhằm xây dựng các cơ chế, nguyên tắc chung trong xử lý các vấn đề môi trường và huy động nguồn lực tài chính, khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường. Thời gian tới, cần tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác với các tổ chức môi trường quốc tế, như: Chương trình môi trường của Liên hợp quốc (UNEP), Tổ chức hòa bình xanh (Greenpeace), Quỹ môi trường toàn cầu (GEF), Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên (WWF)... và tăng cường hợp tác với chính phủ các nước, nhất là các nước có chung

đường biên giới với Việt Nam, các nước có lợi ích chung trong bảo đảm an ninh môi trường./.

Thế giới ngày nay đang đứng trước nhiều vấn đề về an ninh môi trường mang tính quy mô toàn cầu. Những tổn thất về con người, vật chất do môi trường gây ra vượt quá những tổn thất về người và của do các biến động xã hội, bệnh tật và chiến tranh.

Ở Việt Nam, an ninh môi trường đang bị đe dọa nghiêm trọng, với hàng loạt thách thức, như ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn; ô nhiễm đất, nguồn nước tại các khu vực sản xuất công nghiệp; vấn đề biến đổi khí hậu và sự suy thoái về tài nguyên, đa dạng sinh học.v.v.... Thiên tai, bệnh dịch, tình hình vi phạm và tội phạm về môi trường đang diễn ra phổ biến và hết sức phức tạp, đe dọa trực tiếp đến sự phát triển bền vững của nước ta.

Bảo đảm an ninh môi trường là nội dung quan trọng của bảo đảm an ninh quốc gia) và phát triển bền vững. Với quan điểm nhất quán “Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế”, nhiều chính sách, quy định đã và sẽ tiếp tục được ban hành nhằm bảo đảm an ninh môi trường, hướng tới những mục tiêu phát triển bền vững.

[TS. Nguyễn Minh Phong](#)  
[ThS. Nguyễn Trần Minh Trí](#)

### **Nhận diện thách thức và định hướng bảo vệ môi trường**

*Những nguy cơ và thách thức mà công tác bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay đang phải đối mặt, đòi hỏi cần phải có sự quyết tâm, nỗ lực cao hơn nữa của cả hệ thống chính trị, sự tham gia và vào cuộc có trách nhiệm của người dân.*

#### **KHÓ KHĂN THÁCH THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NGÀY Càng LỚN**

Lựa chọn mô hình phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đất nước là quyết tâm chính trị cao, quan điểm chỉ đạo quan trọng và nhất quán của Đảng, Nhà nước ta. Trên cơ sở định hướng đó, trước những vấn đề môi trường phát sinh trong thực tiễn, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều quyết sách quan trọng, thiết lập hành lang pháp lý cho công tác bảo vệ môi trường, kiến tạo cho phát triển, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân. Trong đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có nhiều chủ trương, chính sách thể chế hóa chủ trương phát triển hài hòa dựa trên 3 trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường. Thông qua triển khai nhiều công cụ, biện pháp quản lý đồng bộ, công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn vừa qua tiếp tục đạt được

nhieu kết quả tích cực. Xu hướng giảm nhanh chất lượng môi trường đã được ngăn chặn. Các chỉ số về bảo vệ môi trường đã đóng góp quan trọng đưa chỉ số phát triển bền vững của Việt Nam ở vị trí 51/165 quốc gia và vùng lãnh thổ tăng 37 bậc so với năm 2016. Thông qua kết quả điều tra xã hội học đối với Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tình ở Việt Nam cho thấy mức độ hài lòng của người dân đối với công tác bảo vệ môi trường đã được cải thiện rõ rệt.

Trong bối cảnh hiện nay, những khó khăn, thách thức ngày càng lớn, đặt ra áp lực không nhỏ về yêu cầu hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, giữ gìn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước.

Mới đây, tại Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ V, Báo cáo Tổng kết công tác bảo vệ môi trường giai đoạn 2016-2022 và định hướng giai đoạn 2022-2025 đã đưa ra nhiều đánh giá, nhận diện những nguy cơ và thách thức mà công tác bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay đang phải đối mặt, đòi hỏi cần phải có sự quyết tâm, nỗ lực cao hơn nữa của cả hệ thống chính trị, sự tham gia và vào cuộc có trách nhiệm của người dân.

Một là, tốc độ ô nhiễm, suy thoái môi trường, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học mặc dù đã được kiểm soát song vẫn diễn biến phức tạp, một số nơi, khu vực vẫn ở mức đáng báo động; đặc biệt nổi lên là ô nhiễm tại một số lưu vực sông, làng nghề, ô nhiễm không khí tại một số thành phố lớn. Nguy cơ này nếu không có giải pháp để kiểm soát, xử lý kịp thời sẽ tác động lớn đến mục tiêu phát triển bền vững.

Ô nhiễm không khí vẫn còn diễn biến phức tạp, nhất là ô nhiễm bụi mịn tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh tại một số thời điểm trong ngày và một số ngày trong năm, nhất là khi có sự kết hợp giữa các yếu tố khí tượng, khí hậu, hiện tượng thời tiết sương mù với sự gia tăng các nguồn phát thải ô nhiễm không khí. Chỉ số chất lượng không khí (AQI) có thời điểm vượt ngưỡng an toàn, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người dân. Tình trạng bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông, hoạt động xây dựng, hoạt động công nghiệp với lượng phát thải lớn; diện tích cây xanh, mặt nước trong phát triển đô thị chưa đạt yêu cầu.

Sản xuất theo mô hình làng nghề đang gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của một bộ phận lớn người dân trong các khu vực này và vùng lân cận. Bên cạnh đó là các nguy cơ ô nhiễm xuyên biên giới, ô nhiễm theo dòng chảy cũng rất đáng lo ngại.

Hai là, yêu cầu đầu tư hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt đặt ra cấp bách trong khi nguồn vốn còn hạn chế, các chính sách xã hội chưa

hiệu quả. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tại các đô thị rất thấp, chỉ đạt khoảng 15%; hầu hết các khu vực dân cư nông thôn chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Nhiều bãi chôn lấp chất thải rắn không đúng quy định, yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường vẫn còn tồn tại. Còn nhiều các lò đốt cỡ nhỏ không có hệ thống xử lý khí thải hoặc có nhưng không đạt yêu cầu về môi trường. Một số địa phương hiện nay chưa có cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Tỷ lệ thu gom, xử lý CRT sinh hoạt tại khu vực nông thôn mới đạt 66%; hơn 80% các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh. Việc phân loại CRT sinh hoạt tại nguồn chưa được thực hiện trong giai đoạn vừa qua và hiện nay mới đang bắt đầu chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện theo tinh thần của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Ba là, đa dạng sinh học vẫn có xu hướng bị suy giảm, cân bằng sinh thái có nguy cơ bị ảnh hưởng. Các hệ sinh thái tự nhiên bị thu hẹp diện tích, chia cắt, suy giảm chất lượng. Rừng nguyên sinh chỉ còn rất ít, bị chia cắt và cô lập thành những khu nhỏ, phân bố rải rác ở một số khu vực như Tây Nguyên, Tây Bắc nên khó có cơ hội phục hồi hoàn toàn.

**Nguyên nhân của những thách thức trên được xác định gồm những nguyên nhân khách quan và chủ quan.**

*Về nguyên nhân khách quan*, tác động của biến đổi khí hậu, các vấn đề môi trường xuyên biên giới, theo dòng hội nhập kinh tế ngày càng lớn, phức tạp, khó lường. Biến đổi khí hậu diễn biến nhanh, phức tạp hơn so với dự báo, tác động nhiều mặt lên môi trường nước ta. Các vấn đề môi trường theo lưu vực sông Mê Công, sông Hồng và các sông xuyên biên giới ngày càng phức tạp. Ô nhiễm trên biển diễn biến phức tạp và chưa có biện pháp ứng phó hiệu quả.

Hoạt động công nghiệp hóa, đô thị hóa tạo ra áp lực nhiều nguồn ô nhiễm gia tăng nhanh về số lượng, quy mô và mức độ tác động xấu lên môi trường, làm cho môi trường đất, nước, không khí nhiều nơi bị ô nhiễm.

Việc thành lập mới các khu bảo tồn thiên nhiên và mở rộng diện tích bảo tồn thiên nhiên còn chậm. Tình trạng cháy rừng, chặt phá rừng tự nhiên vẫn còn diễn ra, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, mặt nước không đúng quy định dẫn đến suy giảm tính đa dạng của hệ sinh thái tự nhiên. Các nguy cơ từ sinh vật ngoại lai xâm hại và rủi ro từ sinh vật biến đổi gen vẫn còn hiện hữu.

*Về nguyên nhân chủ quan*, đáng chú ý là, nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và người dân về bảo vệ môi trường chưa đầy đủ, đúng mức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường cũng như vai trò và giá trị của đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, tăng trưởng xanh, phát triển nền kinh tế xanh như là một phương thức để phát triển bền vững trong xã hội; còn tồn tại khoảng cách lớn giữa nhận thức và hành động, giữa cam kết và thực hiện. Vẫn còn tư tưởng

ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế, tập trung thu hút đầu tư, xem nhẹ yêu cầu bảo vệ môi trường, quan điểm không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế chưa được thực hiện triệt để.

Các thói quen xấu gây ô nhiễm môi trường, làm mất vệ sinh, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng như: Vứt rác, chất thải, xác súc vật bừa bãi ở nơi công cộng, nguồn nước... chưa được khắc phục triệt để, thậm chí một số nơi còn phổ biến. Cơ chế giám sát của cộng đồng trong phát hiện trong hoạt động xả thải trái pháp luật còn chưa thực sự hiệu quả. Tình trạng săn bắt, buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã tại Việt Nam vẫn còn tiếp diễn.

Ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh môi trường của các hộ sản xuất kinh doanh, nhất là các hộ sản xuất kinh doanh một số làng nghề còn kém. Ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của nhiều nhà máy, cơ sở sản xuất, kinh doanh còn chưa cao, chưa chủ động, tự giác thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường, vẫn còn tư tưởng chạy theo lợi nhuận, coi nhẹ bảo vệ môi trường; sẵn sàng hy sinh môi trường để đánh đổi các lợi ích kinh tế trước mắt. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường còn hạn chế.

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường còn chưa tương xứng, thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, chưa đáp ứng được các yêu cầu đặt ra, nhất là ở địa phương, cơ sở.

Công tác điều tra cơ bản về tài nguyên sinh vật và về đa dạng sinh học tuy còn có một số thành tựu, nhưng chưa mang tính hệ thống. Thông tin về đa dạng sinh học còn rải rác, chưa có các tiêu chuẩn chung, có ít dữ liệu đối chiếu hoặc các cơ chế chia sẻ. Hệ thống quan trắc đa dạng sinh học vẫn chưa được hình thành đầy đủ, đồng bộ các yếu tố môi trường đất, nước, không khí, các hệ sinh thái và các thành phần đa dạng sinh học khác.

Thiếu nguồn lực đầu tư là thách thức lớn trong bối cảnh các vấn đề môi trường ngày càng gia tăng, tích tụ, ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Việc huy động các nguồn lực trong xã hội còn nhiều khó khăn; nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả chi phí xử lý, khắc phục, cải tạo môi trường” chưa được áp dụng triệt để, mức chi chưa đúng, chưa đủ. Tỷ lệ đầu tư trở lại cho bảo vệ môi trường từ các nguồn thu liên quan đến môi trường còn thấp.

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, khai thác được các tiềm năng du lịch, nông nghiệp để ứng phó với biến đổi khí hậu diễn ra chưa đồng bộ ở các địa phương, chưa tận dụng được lợi thế liên kết vùng, đóng góp của các ngành kinh tế có sử dụng năng lượng sạch chưa cao, dù tỉ trọng các ngành đã có sự thay đổi đáng kể so với trước đây.

## HƯỚNG TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, trong giai đoạn 2022-2025, ngành Môi trường xác định một số hoạt động chính. Tại Hội nghị Môi trường toàn quốc, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, TS. Võ Tuấn Nhân cho biết 6 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm ngành cần tiếp tục tập trung thực hiện trong giai đoạn 2022-2025 như sau:

Thứ nhất, tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về môi trường hướng tới mục tiêu tiệm cận với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ hai, tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động đánh giá môi trường chiến lược với các chiến lược, quy hoạch, đánh giá tác động đối với các dự án đầu tư phát triển, trọng tâm là triển khai đồng bộ, hiệu quả các chế định mới của Luật nhằm sàng lọc dự án đầu tư và chủ động phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu nguy cơ xảy ra ô nhiễm, đặc biệt các dự án có yếu tố nhạy cảm liên quan đến bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, chuyên đổi đất rừng; thiết lập cơ chế công khai nội dung báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) để tham vấn rộng rãi ý kiến của các cá nhân, tổ chức trong quá trình thẩm định báo cáo ĐTM; xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về áp dụng, công nhận kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với một số loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, tăng cường giám sát, kiểm soát các nguồn thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ thông qua duy trì, tăng cường hiệu quả mô hình tổ giám sát 4 bên; kiểm soát, giám sát chặt chẽ khu vực tập trung nhiều nguồn thải tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông...; triển khai kế hoạch giám sát, xử lý khu vực, điểm nóng về môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường.

Thứ tư, quản lý chất thải rắn, trọng tâm là quản lý tốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa. Trong đó, triển khai ngay việc phân loại rác tại nguồn và thu phí theo lượng chất thải rắn phát sinh, đảm bảo tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại khu vực đô thị đến năm 2025 duy trì ở mức 90%. Mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn ở khu vực nông thôn. Thiết lập mạng lưới các cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung theo hướng liên vùng, liên tỉnh. Áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng. Thực hiện hiệu quả các quy định về trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong thu hồi, tái chế thu

công, quy mô nhỏ, gây ô nhiễm môi trường; giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, thu gom và xử lý chất thải nhựa.

Thứ năm, quản lý chất lượng môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường, tập trung vào kiểm soát ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị thông qua việc lập và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp quốc gia và cấp tỉnh; đầu tư phát triển hệ thống trạm quan trắc không khí tự động; đầu tư, ứng dụng công nghệ để hoàn thiện nâng cao năng lực dựa báo, cảnh báo môi trường. Kiểm soát khí thải đối với xe cơ giới; xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.

Đồng thời xử lý nước thải, kiểm soát, quản lý, bảo vệ môi trường nước và các lưu vực sông thông qua xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ; đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải, công bố khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với một số sông không còn khả năng chịu tải để làm căn cứ cho việc phê duyệt báo cáo ĐTM, cấp giấy phép môi trường. Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương ở các đô thị lớn.

Bảo vệ môi trường đất, phục hồi các khu vực bị ô nhiễm hóa chất tồn lưu; xây dựng và thực hiện kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi các khu vực bị ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng trên phạm vi cả nước.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Đầu tư bảo vệ và phát triển các nguồn vốn tự nhiên. Tiếp tục đẩy mạnh, thiết lập và quản lý bền vững khu bảo tồn thiên nhiên, các hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước, cảnh quan thiên nhiên quan trọng.

Triển khai các mô hình bảo tồn, sử dụng bền vững các hệ sinh thái. Tiếp tục triển khai Đề án trồng 1 tỷ cây xanh cho Việt Nam. Xây dựng và thực hiện các chương trình bảo tồn loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm, cây trồng vật nuôi được ưu tiên bảo vệ.

Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn dân về bảo vệ môi trường, từ đó dẫn đến sự thay đổi nhận thức và hành vi của từng cá nhân, cộng đồng. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn triển khai Luật Bảo vệ Tài nguyên môi trường năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật cần tập trung vào các quy định mới. Thực hiện các chương trình truyền thông, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền về bảo vệ môi trường.

Những giải pháp đồng bộ, thực thi hiệu quả ngay lúc này nhằm giải quyết hiệu quả các nguy cơ, thách thức phải đối mặt, tiến tới mục tiêu Đại hội XIII của

Đảng đề ra: “Đến năm 2030, cơ bản đạt các mục tiêu phát triển bền vững về tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu”.

**Mai Hương**